TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thùy và bà Bạc Thị Thanh Thùy.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLST-HN&GĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lành Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên;. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lành Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lành Thị N và anh Lò Văn Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/5/1999. Anh, chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung kể từ khi kết hôn hạnh phúc được 09 năm cho đến khi anh Q đi làm ăn xa. Khi anh Q đi làm ăn xa cũng không gọi điện hỏi thăm chị N, không quan tâm chị N, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và đến nay chị N không còn tình cảm với anh Q. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung Chị Lành Thị N và anh Lò Văn Q có 02 con chung, cháu Lò Diễm Q, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 21/8/1999. Hiện tại các con đang ở với chị N, khi ly hôn chị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Diễm Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động, còn cháu Lò Thị L hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi và tự lao động nuôi bản thân nên chị N không yêu cầu; chị N không yêu cầu anh Lò Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị N.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lành Thị N đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng theo quy định cho anh Q, nhưng hiện tại anh Q đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho người thân của anh Q là ông Lò Văn H và cũng tiến hành niêm yết theo đúng quy định. Thông qua người thân của anh Q là ông Lò Văn H thì được biết: Anh Lò Văn Q cũng đồng ý ly hôn, giao các con cho chị N nuôi dưỡng, ngoài ra không có ý kiến nào khác (BL49).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh Quyn; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Diễm Q; sinh ngày 04/10/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Q chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lành Thị N, do chị N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lành Thị N với anh Lò Văn Q thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Nức nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Q có nơi ĐKHKTT tại bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt anh Q vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh Q, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lành Thị N và anh Lò Văn Q đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/5/1999. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó do anh Q đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với chị N, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; do thời gian kéo dài dẫn đến chị N không còn tình cảm với anh Q. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập đương sự để hòa giải, nhưng anh Q không có mặt, qua đó thấy rằng không thể tiến hành hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ. Từ những căn cứ trên thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị N và anh Q đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lành Thị Nức, cho chị Lành Thị N ly hôn với anh Lò Văn Q.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lành Thị N, nguyện vọng của cháu Q thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho chị N là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Lành Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Đối với cháu Lò Thị L, do cháu đã trưởng thành và đủ khả năng nuôi bản thân, chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự, nên cần chấp nhận.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lành Thị N đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Lành Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Diễm Q; sinh ngày 04/10/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lành Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Chị Lành Thị N, anh Lò Văn Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lành Thị N được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lành Thị N, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/7/2021). Anh Lò Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga